



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Tiến Trường  
Ông Trần Quang Nghị  
Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Vũ Hồng Tuấn  
Ông Nguyễn Xuân Đông

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Nguyễn Song Hải  
Ông Lê Trung Hải  
Ông Phạm Văn Tân  
Ông Lê Mạc Thuấn  
Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thu Hằng  
Bà Đoàn Thị Thu Hương  
Bà Đặng Thị Hồng Lê  
Bà Nguyễn Thanh Lê  
Bà Đào Thị Minh Hòa

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 13/5/2024)  
Thành viên (đến ngày 13/5/2024)

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 80 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



**Cao Hữu Hiếu**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 80.

#### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## **Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ**

### ***Phần lãi trong công ty liên kết***

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 1.215.189 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 1.227.918 triệu VND). Phần lãi từ Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 217.774 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: lãi 232.322 triệu VND).

Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như không trao đổi được thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này, nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và phần lãi trong Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết.

### ***Tiền thuê đất và tiền chậm nộp***

Như được trình bày tại Thuyết minh 50 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khi lập báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Ban lãnh đạo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh liên quan đến chi phí thuê đất phải nộp cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 tại Khu đất số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 47.323 triệu VND dựa trên cơ sở tính toán của Ban lãnh đạo theo hướng dẫn tại văn bản số 6238/STNMT-QLĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định diện tích và mục đích sử dụng đất tại khu đất số 2 Trường Chinh nêu trên và các quy định pháp luật liên quan. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định chính xác số tiền thuê đất còn phải nộp đối với khu đất nói trên cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 và các chi phí chậm nộp liên quan, nếu có.

Do các quy định về tiền thuê đất thay đổi theo từng thời kỳ và việc áp dụng các quy định có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau cũng như việc xác định số thuế chính thức phải nộp vẫn đang trong quá trình thực hiện, chúng tôi chưa thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết liên quan đến số tiền thuê đất mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú phải nộp đối với khu đất nói trên và các chi phí chậm nộp liên quan, nếu có. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024; và các khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.



## Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 50 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 liên quan đến tiền thuê đất và tiền chậm nộp tiền thuê đất tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã được điều chỉnh lại. Kết luận soát xét của chúng tôi có nội dung ngoại trừ như đã nêu ở trên có thể ảnh hưởng đến thông tin so sánh đã được điều chỉnh lại này.

## Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00280-24-2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>9.099.486.744.058</b>	<b>9.011.900.252.286</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>10</b>	<b>796.548.179.322</b>	<b>668.657.670.914</b>
Tiền	111		336.407.707.732	288.504.356.537
Các khoản tương đương tiền	112		460.140.471.590	380.153.314.377
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.321.810.690.518</b>	<b>2.186.376.596.809</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11(a)	2.321.810.690.518	2.186.376.596.809
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.436.003.317.649</b>	<b>2.777.087.805.014</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	2.187.518.225.289	2.419.776.222.141
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		153.339.898.005	159.928.122.085
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	21.507.530.808	28.707.530.808
Phải thu ngắn hạn khác	136	14(a)	400.778.193.318	502.203.453.844
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(328.330.120.339)	(335.257.228.993)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.189.590.568	1.729.705.129
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>16</b>	<b>3.272.839.662.705</b>	<b>3.116.488.111.528</b>
Hàng tồn kho	141		3.337.492.622.084	3.218.969.665.585
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(64.652.959.379)	(102.481.554.057)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>272.284.893.864</b>	<b>263.290.068.021</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	22(a)	35.679.620.241	29.974.282.311
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		220.891.953.364	217.852.479.237
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	25(a)	15.504.103.906	15.086.728.144
Tài sản ngắn hạn khác	155		209.216.353	376.578.329

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>9.751.226.136.038</b>	<b>10.064.370.417.603</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>44.973.827.431</b>	<b>47.424.641.529</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	13	3.514.290.000	4.685.720.000
Phải thu dài hạn khác	216	14(b)	147.569.462.227	148.848.846.325
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	15	(106.109.924.796)	(106.109.924.796)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.499.598.695.591</b>	<b>5.871.927.505.393</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	5.273.778.908.436	5.631.367.708.397
<i>Nguyên giá</i>	222		13.986.169.768.614	14.066.042.299.637
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.712.390.860.178)	(8.434.674.591.240)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	18	133.986.377.104	146.632.497.134
<i>Nguyên giá</i>	225		154.864.034.665	168.730.898.213
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(20.877.657.561)	(22.098.401.079)
Tài sản cố định vô hình	227	19	91.833.410.051	93.927.299.862
<i>Nguyên giá</i>	228		146.689.808.395	146.689.808.395
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(54.856.398.344)	(52.762.508.533)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>20</b>	<b>269.654.321.523</b>	<b>275.630.323.034</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		368.443.699.667	369.186.255.985
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(98.789.378.144)	(93.555.932.951)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>570.345.883.425</b>	<b>448.831.940.444</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	21	570.345.883.425	448.831.940.444
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.054.895.366.769</b>	<b>3.098.825.758.060</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	11(b)	2.841.892.421.639	2.904.444.477.366
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11(b)	184.643.001.466	182.643.001.466
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11	(155.610.656.336)	(147.947.320.772)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11(a)	183.970.600.000	159.685.600.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>311.758.041.299</b>	<b>321.730.249.143</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	22(b)	299.086.367.919	307.068.866.879
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	23	12.044.018.151	14.080.023.331
Tài sản dài hạn khác	268		627.655.229	581.358.933
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>18.850.712.880.096</b>	<b>19.076.270.669.889</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>9.939.672.574.778</b>	<b>10.007.426.677.086</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.909.144.005.947</b>	<b>6.967.069.926.304</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	1.405.459.377.138	1.182.952.139.583
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		78.288.322.949	75.532.036.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25(b)	89.286.252.647	289.417.574.787
Phải trả người lao động	314		501.726.604.793	624.352.705.250
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26(a)	56.790.835.836	68.511.969.277
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	27	19.908.419.718	18.563.614.433
Phải trả ngắn hạn khác	319	28(a)	645.425.303.023	529.410.745.830
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29(a)	3.801.385.375.810	3.901.104.879.367
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	30	62.473.188.366	62.473.188.366
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	31	248.400.325.667	214.751.073.270
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.030.528.568.831</b>	<b>3.040.356.750.782</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		17.600.000	17.600.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		50.545.315	1.998.966.784
Chi phí phải trả dài hạn	333	26(b)	9.296.985.600	9.761.834.880
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	27	304.713.667.227	308.089.739.186
Phải trả dài hạn khác	337	28(b)	72.478.347.871	70.211.376.973
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	2.481.316.258.224	2.544.059.889.073
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	162.655.164.594	106.217.343.886

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>32</b>	<b>8.911.040.305.318</b>	<b>9.068.843.992.803</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>8.891.415.044.833</b>	<b>9.048.671.102.901</b>
Vốn cổ phần	411	33	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414		216.823.916.584	214.733.466.584
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(747.830.122.185)	(747.830.122.185)
Quỹ đầu tư phát triển	418	34	798.708.817.931	777.414.063.148
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		655.137.616.460	838.287.018.136
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		612.699.505.295	672.760.085.238
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		42.438.111.165	165.526.932.898
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	35	543.092.845.095	543.092.845.095
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.395.120.038.596	2.392.611.899.771
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>19.625.260.485</b>	<b>20.172.889.902</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		19.625.260.485	20.172.889.902
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.850.712.880.096</b>	<b>19.076.270.669.889</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37	7.968.493.031.471	8.113.314.425.791
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	37	14.501.986.532	15.127.108.619
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>37</b>	<b>7.953.991.044.939</b>	<b>8.098.187.317.172</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	38	7.139.765.201.739	7.581.137.132.459
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>814.225.843.200</b>	<b>517.050.184.713</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	39	187.376.560.478	174.854.556.012
Chi phí tài chính	22	40	319.727.061.802	246.108.405.423
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		174.475.079.492	201.548.164.561
Phần lãi trong công ty liên kết	24	11(b)	236.427.650.835	282.253.500.532
Chi phí bán hàng	25	41	230.179.707.703	222.393.854.686
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42	413.374.248.300	370.599.723.834
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>274.749.036.708</b>	<b>135.056.257.314</b>
Thu nhập khác	31	43	26.513.575.031	86.093.291.108
Chi phí khác	32	44	18.736.512.567	47.906.883.201
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.777.062.464</b>	<b>38.186.407.907</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>282.526.099.172</b>	<b>173.242.665.221</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	46	47.747.027.573	30.660.429.977
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	46	58.495.452.154	25.220.739.218
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>176.283.619.445</b>	<b>117.361.496.026</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		176.283.619.445	117.361.496.026
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		42.438.111.165	10.062.785.216
Cổ đông không kiểm soát	62		133.845.508.280	107.298.710.810
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		47		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		66	11
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		60	10

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách  
Kế toán trưởngCao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>282.526.099.172</b>	<b>173.242.665.221</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		389.753.585.733	406.320.099.957
Các khoản dự phòng	03		(37.092.367.768)	(217.820.559.692)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.276.766.423	10.880.898.863
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(330.319.268.315)	(380.940.433.484)
Chi phí lãi vay	06		174.475.079.492	201.548.164.561
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>542.619.894.737</b>	<b>193.230.835.426</b>
Biến động các khoản phải thu	09		310.470.201.165	57.687.685.033
Biến động hàng tồn kho	10		(126.743.815.444)	972.848.869.921
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(53.577.596.897)	(150.523.997.948)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.160.513.585)	10.016.310.330
			<b>670.608.169.976</b>	<b>1.083.259.702.762</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(203.105.871.737)	(212.628.106.381)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(68.661.377.774)	(51.791.052.733)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(49.747.366.421)	(48.139.976.920)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>349.093.554.044</b>	<b>770.700.566.728</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(195.174.023.436)	(285.864.018.940)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		17.779.886.367	43.421.319.806
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(648.959.354.469)	(1.479.735.863.173)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	24		497.321.459.996	1.255.760.908.115
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(13.591.240.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		9.112.514.480	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		456.059.182.076	462.200.055.222
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>122.548.425.014</b>	<b>(4.217.598.970)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

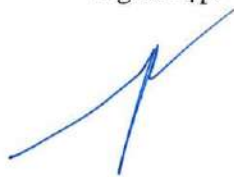
**Mẫu B 03a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31	-	3.969.720.000	
Tiền thu từ đi vay	33	5.929.180.832.510	5.696.406.893.507	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.137.669.159.856)	(6.379.751.472.224)	
Tiền trả cổ tức	36	(137.394.588.736)	(152.741.441.459)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(345.882.916.082)</b>	<b>(832.116.300.176)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>125.759.062.976</b>	<b>(65.633.332.418)</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>668.657.670.914</b>	<b>615.868.535.508</b>	
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>2.131.445.432</b>	<b>2.476.584.859</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>796.548.179.322</b>	<b>552.711.787.949</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết (1/1/2024: có 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị		Tham chiếu
	30/6/2024	1/1/2024	
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13	13	Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15	14	Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	6	7	Phụ lục 3
	<hr/>	<hr/>	
	34	34	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	31	31	Phụ lục 4
	<hr/>	<hr/>	
	65	65	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có 24.277 nhân viên (1/1/2024: 27.228 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính****(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc ghi nhận theo giá gốc nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn đầu tư vào công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(p)(viii)).

**(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt May Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

*Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai*

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 51 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 30 năm
▪ tài sản khác	2 – 25 năm

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ hạ tầng khu công nghiệp	4 – 45 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ quyền sử dụng đất	49 năm

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất.

**(ii) Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, mặt bằng trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(vi) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn xác định nghĩa vụ thuế thu nhập căn cứ theo vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

**(v) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác**

Doanh thu cho thuê tài sản khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(viii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(ii)).

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

#### **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

#### **6. Các khoản mục bất thường**

Tập đoàn không có khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

#### **7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Tập đoàn không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

#### **8. Báo cáo bộ phận**

##### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.667.583.245.220	48.940.724.974	237.467.074.745	-	7.953.991.044.939
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	760.776.265.721	9.361.759.888	2.327.909.145	(772.465.934.754)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>8.428.359.510.941</b>	<b>58.302.484.862</b>	<b>239.794.983.890</b>	<b>(772.465.934.754)</b>	<b>7.953.991.044.939</b>
Phản lãi trong công ty liên kết	266.438.539.282	2.360.794.322	(32.371.682.769)	-	236.427.650.835
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>123.726.784.588</b>	<b>1.760.322.812</b>	<b>23.429.011.840</b>	<b>125.832.917.468</b>	<b>274.749.036.708</b>
Thu nhập khác	42.350.424.907	1.244.437.215	67.995.555	(17.149.282.646)	26.513.575.031
Chi phí khác	(31.228.352.549)	(143.221.184)	(5.039.603.201)	17.674.664.367	(18.736.512.567)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(42.414.621.817)	(654.041.875)	(4.678.363.881)	-	(47.747.027.573)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.650.507.205)	-	-	(56.844.944.949)	(58.495.452.154)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>90.783.727.924</b>	<b>2.207.496.968</b>	<b>13.779.040.313</b>	<b>69.513.354.240</b>	<b>176.283.619.445</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/VN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.826.089.868.172	46.678.163.749	225.419.285.251	-	8.098.187.317.172
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	683.972.014.670	18.674.979.156	7.681.650.614	(710.328.644.440)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>8.510.061.882.842</b>	<b>65.353.142.905</b>	<b>233.100.935.865</b>	<b>(710.328.644.440)</b>	<b>8.098.187.317.172</b>
Phản lãi trong công ty liên kết	277.568.454.691	3.679.266.973	1.005.778.868	-	282.253.500.532
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>155.551.996.166</b>	<b>1.556.775.031</b>	<b>25.975.781.473</b>	<b>(48.028.295.356)</b>	<b>135.056.257.314</b>
Thu nhập khác	84.149.769.690	48.129.519	1.895.391.899	-	86.093.291.108
Chi phí khác	(43.453.653.909)	(2.543.132)	(4.794.480.559)	343.794.399	(47.906.883.201)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(26.912.640.641)	(373.709.133)	(3.374.080.203)	-	(30.660.429.977)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(10.196.593.075)	-	-	(15.024.146.143)	(25.220.739.218)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>159.138.878.231</b>	<b>1.228.652.285</b>	<b>19.702.612.610</b>	<b>(62.708.647.100)</b>	<b>117.361.496.026</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>					
Tài sản của bộ phận	19.760.999.324.715	122.080.606.825	1.213.008.484.502	(5.087.267.957.585)	16.008.820.458.457
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.475.953.837.619	912.560.000	307.875.000	1.364.718.149.020	2.841.892.421.639
<b>Tổng tài sản của bộ phận</b>	<b>21.236.953.162.334</b>	<b>122.993.166.825</b>	<b>1.213.316.359.502</b>	<b>(3.722.549.808.565)</b>	<b>18.850.712.880.096</b>
<b>Tổng nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>11.361.740.530.526</b>	<b>301.559.511.051</b>	<b>455.927.303.992</b>	<b>(2.179.554.770.791)</b>	<b>9.939.672.574.778</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>					
Chi tiêu vốn	177.517.676.412	1.169.445.455	45.955.430.124	(29.468.528.555)	195.174.023.436
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	352.638.791.846	529.155.431	18.201.708.678	2.774.116.124	374.143.772.079
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	6.126.376.749	-	-	-	6.126.376.749
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.056.032.667	-	37.857.144	-	2.093.889.811
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.174.282.049	107.610.000	3.951.553.144	-	5.233.445.193

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Đã điều chỉnh lại	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND	Đã điều chỉnh lại
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>							
Tài sản của bộ phận	19.987.996.152.286		125.881.282.665	1.313.572.175.142	(5.255.623.417.570)	16.171.826.192.523	
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.454.362.597.619		912.560.000	307.875.000	1.448.861.444.747	2.904.444.477.366	
<b>Tổng tài sản của bộ phận</b>	<b>21.442.358.749.905</b>		<b>126.793.842.665</b>	<b>1.313.880.050.142</b>	<b>(3.806.761.972.823)</b>	<b>19.076.270.669.889</b>	
<b>Tổng nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>11.325.644.260.850</b>		<b>306.741.507.752</b>	<b>435.011.098.321</b>	<b>(2.059.970.189.837)</b>	<b>10.007.426.677.086</b>	
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>							
Chi tiêu vốn	283.062.141.342		-	2.801.877.598	-	285.864.018.940	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	365.096.677.249		708.849.493	18.280.497.025	(1.495.845.291)	382.590.178.476	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	10.844.322.444		-	-	-	10.844.322.444	
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.946.084.732		-	37.857.144	-	1.983.941.876	
Khấu hao bất động sản đầu tư	4.629.690.992		107.610.048	3.951.553.148	-	8.688.854.188	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

**Kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024**

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	2.304.474.494.219	5.649.516.550.720	7.953.991.044.939
Kết quả kinh doanh của bộ phận	253.098.529.505	561.127.313.695	814.225.843.200
Thu nhập không phân bổ			423.804.211.313
Chi phí không phân bổ			(963.281.017.805)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			274.749.036.708
Thu nhập khác			26.513.575.031
Chi phí khác			(18.736.512.567)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(106.242.479.727)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			176.283.619.445

**Kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023**

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	2.063.056.534.140	6.035.130.783.032	8.098.187.317.172
Kết quả kinh doanh của bộ phận	303.473.212.596	213.576.972.117	517.050.184.713
Thu nhập không phân bổ			457.108.056.544
Chi phí không phân bổ			(839.101.983.943)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			135.056.257.314
Thu nhập khác			86.093.291.108
Chi phí khác			(47.906.883.201)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(55.881.169.195)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			117.361.496.026

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 30/6/2024</b>			
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	717.766.820.821	1.141.421.284.129	1.859.188.104.950 16.991.524.775.146
Tổng tài sản			<hr/> 18.850.712.880.096 <hr/>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	34.971.416.633	43.367.451.631	78.338.868.264 9.861.333.706.514
Tổng nợ phải trả			<hr/> 9.939.672.574.778 <hr/>
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tại ngày 1/1/2024</b>			
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	825.811.672.674	1.258.707.320.474	2.084.518.993.148 16.991.751.676.741
Tổng tài sản			<hr/> 19.076.270.669.889 <hr/>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	36.110.680.260	41.420.322.665	77.531.002.925 9.929.895.674.161
Tổng nợ phải trả			<hr/> 10.007.426.677.086 <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Thoái vốn đầu tư ở công ty con**

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần May Halotexco, một công ty con cấp 3, cho nhà đầu tư khác.

Giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	237.435.520
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	290.230.764
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.784.284.079
Hàng tồn kho	8.220.858.945
Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà Nước	600.000
Tài sản ngắn hạn khác	3.165.890.119
Phải thu dài hạn khác	1.184.493.728
Tài sản cố định hữu hình – nguyên giá	92.720.025.686
Tài sản cố định hữu hình – giá trị hao mòn lũy kế	(23.968.000.035)
Tài sản dài hạn khác	759.863.251
Phải trả người bán ngắn hạn	(11.464.010.428)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(6.318.229.179)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(294.729.263)
Phải trả ngắn hạn khác	(2.352.558.152)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(246.124.948)
Vay ngắn hạn	(35.417.905.581)
Vay dài hạn	(44.857.957.802)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(21.626.266)
	<hr/>
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát	(12.577.459.562)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(5.830.910.253)
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	(6.746.549.309)
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 39)	16.096.499.309
	<hr/>
Tiền thu được từ thoái vốn	9.349.950.000
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(237.435.520)
	<hr/>
Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con	9.112.514.480
	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	22.145.738.743	16.796.555.966
Tiền gửi ngân hàng	314.261.968.989	271.707.800.571
Các khoản tương đương tiền	460.140.471.590	380.153.314.377
	<hr/>	<hr/>
	796.548.179.322	668.657.670.914

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản tiền gửi ngân hàng có tổng giá trị ghi sổ là 500 triệu VND (1/1/2024: 1.402 triệu VND) được Tập đoàn dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Giá gốc VND	30/6/2024 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.313.725.641.182	-	2.333.088.472.410
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (ii)	8.085.049.336	-	(*)
	<u>2.321.810.690.518</u>	<u>-</u>	
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn</b>			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	30.000.000.000	-	(*)
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (ii)	150.770.600.000	(119.394.616.322)	(*)
▪ Trái phiếu ngân hàng (iii)	3.200.000.000	-	(*)
	<u>183.970.600.000</u>	<u>(119.394.616.322)</u>	
	Giá gốc VND	1/1/2024 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.172.291.547.473	-	2.191.783.549.756
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (ii)	14.085.049.336	-	(*)
	<u>2.186.376.596.809</u>	<u>-</u>	
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn</b>			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	8.000.000.000	-	(*)
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (ii)	148.485.600.000	(120.713.324.125)	(*)
▪ Trái phiếu ngân hàng (iii)	3.200.000.000	-	(*)
	<u>159.685.600.000</u>	<u>(120.713.324.125)</u>	

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 2,8% đến 7,0% (1/1/2024: từ 2,1% đến 10,8%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 12 tháng trở lên và hưởng lãi suất 4,2%/năm (1/1/2024: 5,3%).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Ban lãnh đạo các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024.

- (ii) Các khoản trái phiếu do doanh nghiệp phát hành bằng VND, có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 10,638% (1/1/2024: từ 9% đến 10,638%). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, một số tổ chức phát hành đã có dấu hiệu vi phạm các điều kiện và điều khoản của trái phiếu. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho các khoản trái phiếu này dựa trên đánh giá của Cơ quan Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản trái phiếu.
- (iii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2029 và hưởng lãi suất năm là 4,7% (1/1/2024: 4,7%).
- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn có tổng giá trị ghi sổ là 220.332 triệu VND (1/1/2024: 163.753 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2024			1/1/2024			
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	32,21%	32,82%	124.061.790.963	32,82%	32,21%	119.017.227.717	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	472.786.137.961	30,40%	30,40%	483.063.884.409	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	89.828.170.572	46,93%	46,93%	96.942.256.451	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	26,37%	26,37%	108.275.407.798	26,37%	26,37%	113.147.892.609	(*)
▪ Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,22%	35,22%	51.697.735.157	35,22%	35,22%	53.880.869.010	(*)
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	122.886.682.839	35,01%	35,01%	124.107.824.622	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	84.795.901.963	30,00%	30,00%	84.795.901.963	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	1.206.364.880.242	17,86%	17,86%	1.227.918.461.542	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	111.448.469.565	22,05%	22,05%	120.958.627.522	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			469.747.244.579			480.611.531.521	(*)
			<u>2.841.892.421.639</u>			<u>2.904.444.477.366</u>	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2024		1/1/2024							
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %						
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND					
<b>Đơn vị khác</b>										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	3.319.449.000	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	2.256.593.600
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			163.844.241.956	(36.216.040.014)	(*)			161.844.241.956	(27.233.996.647)	(*)
			184.643.001.466	(36.216.040.014)				182.643.001.466	(27.233.996.647)	

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

(\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.904.444.477.366	2.787.135.254.314
Tăng do đầu tư vào công ty liên kết	11.591.240.000	-
Phần lãi trong các công ty liên kết	236.427.650.835	282.253.500.532
Cổ tức nhận được	(310.570.946.562)	(278.365.142.566)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.841.892.421.639	2.791.023.612.280

## 12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan	368.190.973.890	294.861.468.332
Phải thu các khách hàng khác	1.819.327.251.399	2.124.914.753.809
	<hr/>	<hr/>
	2.187.518.225.289	2.419.776.222.141

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số 365.069 triệu VND (1/1/2024: 210.843 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	264.782.718.660	196.535.436.993
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	89.393.578.986	84.918.702.921
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	12.930.807.340	12.930.807.340
Các công ty liên quan khác	1.083.868.904	476.521.078
	<hr/>	<hr/>
	368.190.973.890	294.861.468.332

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu về cho vay**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Bên liên quan</b></i>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Phú Ninh	5.857.150.000	7.028.580.000
<i><b>Bên khác</b></i>		
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	15.864.670.808	26.364.670.808
Các công ty khác	3.300.000.000	-
	<hr/> 25.021.820.808	<hr/> 33.393.250.808
Phần phải thu trong vòng 12 tháng	(21.507.530.808)	(28.707.530.808)
	<hr/> 3.514.290.000	<hr/> 4.685.720.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 6,7%/năm (1/1/2024: 10%/năm).

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất từ 7% đến 8%/năm (1/1/2024: 8% đến 10%/năm).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu một đối tác liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	187.766.564.464	187.766.564.464
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	43.012.987.062	105.555.999.212
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu lãi cho vay	6.380.275.673	10.973.955.274
Ký cược, ký quỹ	33.750.210.082	62.051.762.400
Phải thu các khoản tạm ứng	27.547.584.347	17.377.353.391
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	14.986.019.305	19.492.002.283
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	15.669.498.402	25.531.693.863
Các khoản chi hộ	1.033.712.500	1.148.012.500
Phải thu người lao động	3.272.416.537	2.640.973.262
Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn	3.896.260.020	4.192.115.452
Phải thu khác	19.929.769.167	21.940.125.984
	400.778.193.318	502.203.453.844

(i) Đây là khoản một công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã thanh toán cho một đối tác để nhận chuyển nhượng Dự án phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án Phước Long B”). Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Trong năm 2018 và 2019, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã bàn giao một phần diện tích đất cho khách hàng và ghi nhận doanh thu, giá vốn tương ứng với giá trị là 115.401 triệu VND và 111.481 triệu VND. Số tiền thanh toán tương ứng với phần diện tích đất còn lại được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị là 76.285 triệu VND.

Trong năm 2024, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã tiến hành các thủ tục để bàn giao lại dự án này cho đối tác. Do vậy, tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, khoản thanh toán ban đầu cho đối tác tương ứng với phần diện tích đất đã bàn giao là 111.481 triệu VND đã được điều chỉnh lại và ghi nhận là khoản phải thu ngắn hạn khác từ đối tác; toàn bộ khoản tiền Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú nhận được từ người mua được điều chỉnh lại và ghi nhận là khoản phải trả cho đối tác với giá trị là 115.402 triệu VND (Thuyết minh 28(a)); chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan với giá trị 76.285 triệu VND cũng được phân loại lại sang khoản phải thu khác.

Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá rằng Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sẽ thu hồi được khoản phải thu tương ứng với phần diện tích đất còn lại chưa bán từ bên đối tác khi các thủ tục pháp lý thu hồi Dự án Phước Long B và trả lại cho đối tác được hoàn tất.

(ii) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	10.080.000.000	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	9.855.000.000	-
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	4.753.833.000	-
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	3.661.124.000	10.245.843.000
Tổng Công ty May 10 - CTCP	-	10.227.398.000
Công ty CP May Hữu Nghị	-	6.953.392.000
Các công ty liên quan khác	3.323.807.824	3.727.500.000
	<b>31.673.764.824</b>	<b>31.154.133.000</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền bồi thường đất từ		
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	102.909.924.796
Ký quỹ, ký cược dài hạn	14.112.709.044	14.721.681.796
Phải thu dài hạn khác	30.546.828.387	31.217.239.733
	<b>147.569.462.227</b>	<b>148.848.846.325</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2024			1/1/2024				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	Trên 3 năm	43.532.895.759	(16.291.758.178)	27.241.137.581	Trên 3 năm	43.532.895.759	(16.291.758.178)	27.241.137.581
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.204.792.764	(40.204.792.764)	-	Trên 3 năm	40.255.792.764	(40.255.792.764)	-
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.543.572.750	(33.543.572.750)	-	Trên 3 năm	33.593.572.750	(33.593.572.750)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	28.708.566.760	(28.708.566.760)	-	Trên 3 năm	29.866.566.760	(29.866.566.760)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	196.178.776.291	(196.178.776.291)	-	Trên 3 năm	200.585.903.638	(200.585.903.638)	-
Các khách hàng khác	Từ 2 - 3 năm	13.883.161.862	(9.623.483.268)	4.259.678.594	Từ 2 - 3 năm	22.409.354.993	(14.189.975.778)	8.219.379.215
Các khách hàng khác	Từ 1 - 2 năm	7.490.310.045	(4.415.190.491)	3.075.119.554	Từ 1 - 2 năm	2.013.574.120	(1.027.433.085)	986.141.035
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	9.755.570.850	(2.563.979.837)	7.191.591.013	Từ 6 tháng đến 1 năm	8.916.937.360	(2.646.226.040)	6.270.711.320
		<b>476.207.571.877</b>	<b>(434.440.045.135)</b>	<b>41.767.526.742</b>		<b>484.084.522.940</b>	<b>(441.367.153.789)</b>	<b>42.717.369.151</b>
<b>Trong đó:</b>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(328.330.120.339)				(335.257.228.993)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(106.109.924.796)				(106.109.924.796)	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2024</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	687.270.285.550	(5.306.961.567)
Nguyên vật liệu	1.081.161.431.323	(13.284.904.209)
Công cụ và dụng cụ	8.048.708.213	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	838.739.418.700	(4.104.411.308)
Thành phẩm	613.474.208.452	(39.593.854.556)
Hàng hóa	31.412.361.641	(1.998.750.340)
Hàng gửi đi bán	77.386.208.205	(364.077.399)
	3.337.492.622.084	(64.652.959.379)
	<b>1/1/2024</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	555.582.920.788	(1.662.688.594)
Nguyên vật liệu	921.530.102.295	(12.642.231.961)
Công cụ và dụng cụ	9.686.652.724	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	801.469.293.896	(5.914.695.818)
Thành phẩm	777.214.020.528	(80.448.718.046)
Hàng hóa	67.862.038.292	(1.813.219.638)
Hàng gửi đi bán	85.624.637.062	-
	3.218.969.665.585	(102.481.554.057)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.815.129 triệu VND (1/1/2024: 1.544.653 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 532.949 triệu VND hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán (1/1/2024: 1.415.019 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.942.162.496.857	9.436.446.674.582	379.264.435.234	118.907.938.119	189.260.754.845	14.066.042.299.637
Tăng trong kỳ	6.340.257.189	12.604.228.610	7.757.172.728	186.989.091	967.843.575	27.856.491.193
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.149.692.668	39.572.070.808	5.656.184.364	-	68.950.000	50.446.897.840
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	19.142.952.454	-	-	-	19.142.952.454
Thanh lý, nhượng bán	(1.100.636.404)	(73.792.703.479)	(4.349.223.042)	(606.909.500)	(151.116.293)	(80.000.588.718)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(68.548.575.667)	(21.625.452.407)	(2.198.877.424)	-	(347.120.188)	(92.720.025.686)
Phân loại lại	(423.238.200)	2.521.714.829	-	(2.098.476.629)	-	-
Điều chỉnh giảm sau quyết toán	(4.598.258.106)	-	-	-	-	(4.598.258.106)
Số dư cuối kỳ	3.878.981.738.337	9.414.869.485.397	386.129.691.860	116.389.541.081	189.799.311.939	13.986.169.768.614

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.738.406.278.353	6.176.303.592.553	275.119.662.314	88.737.663.394	156.107.394.626	8.434.674.591.240
Khấu hao trong kỳ	84.094.861.612	267.142.551.730	13.531.375.613	3.626.966.563	5.748.016.561	374.143.772.079
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	7.347.120.267	-	-	-	7.347.120.267
Thanh lý, nhượng bán	(1.100.636.404)	(73.598.738.134)	(4.349.223.042)	(606.909.500)	(151.116.293)	(79.806.623.373)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(8.510.628.831)	(13.418.835.705)	(1.842.960.796)	-	(195.574.703)	(23.968.000.035)
Phân loại lại	(423.238.200)	423.238.200	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.812.466.636.530</b>	<b>6.364.198.928.911</b>	<b>282.458.854.089</b>	<b>91.757.720.457</b>	<b>161.508.720.191</b>	<b>8.712.390.860.178</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	2.203.756.218.504	3.260.143.082.029	104.144.772.920	30.170.274.725	33.153.360.219	5.631.367.708.397
Số dư cuối kỳ	2.066.515.101.807	3.050.670.556.486	103.670.837.771	24.631.820.624	28.290.591.748	5.273.778.908.436

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 2.907.188 triệu VND (1/1/2024: 2.903.271 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.168.812 triệu VND (1/1/2024: 3.269.855 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	166.179.923.970	2.550.974.243	168.730.898.213
Tăng trong kỳ	4.756.088.906	520.000.000	5.276.088.906
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.142.952.454)	-	(19.142.952.454)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>151.793.060.422</b>	<b>3.070.974.243</b>	<b>154.864.034.665</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	21.996.197.295	102.203.784	22.098.401.079
Khấu hao trong kỳ	5.952.496.415	173.880.334	6.126.376.749
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.347.120.267)	-	(7.347.120.267)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.601.573.443</b>	<b>276.084.118</b>	<b>20.877.657.561</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	144.183.726.675	2.448.770.459	146.632.497.134
Số dư cuối kỳ	131.191.486.979	2.794.890.125	133.986.377.104



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	121.125.604.239	23.805.468.442	1.758.735.714	146.689.808.395
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	32.096.811.256	19.235.498.597	1.430.198.680	52.762.508.533
Khấu hao trong kỳ	1.167.411.179	863.348.558	63.130.074	2.093.889.811
Số dư cuối kỳ	33.264.222.435	20.098.847.155	1.493.328.754	54.856.398.344
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	89.028.792.983	4.569.969.845	328.537.034	93.927.299.862
Số dư cuối kỳ	87.861.381.804	3.706.621.287	265.406.960	91.833.410.051

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 14.019 triệu VND (1/1/2024: 13.750 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Bất động sản đầu tư cho thuê**

Nguyên giá	Hạ tăng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	211.082.890.880	152.240.902.443	5.862.462.662	369.186.255.985
Giảm khác	-	(742.556.318)	-	(742.556.318)
Số dư cuối kỳ	211.082.890.880	151.498.346.125	5.862.462.662	368.443.699.667
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	36.360.501.679	52.953.671.602	4.241.759.670	93.555.932.951
Khấu hao trong kỳ	2.945.456.474	2.239.077.024	48.911.695	5.233.445.193
Số dư cuối kỳ	39.305.958.153	55.192.748.626	4.290.671.365	98.789.378.144
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	174.722.389.201	99.287.230.841	1.620.702.992	275.630.323.034
Số dư cuối kỳ	171.776.932.727	96.305.597.499	1.571.791.297	269.654.321.523

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp bao gồm nhà xưởng của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do chưa có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

## 21. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	448.831.940.444	400.637.799.806
Tăng trong kỳ	173.392.787.643	204.399.393.897
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.446.897.840)	(112.417.026.028)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(7.958.096.261)
Chuyển sang tài sản chi phí trả trước dài hạn	(1.205.979.000)	(10.607.606.212)
Chuyển sang tài sản chi phí trả trước ngắn hạn	(225.967.822)	(71.450.034)
Thanh lý	-	(10.116.439.650)
Xóa sổ	-	(1.086.476.793)
Số dư cuối kỳ	570.345.883.425	462.780.098.725

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Dự án Cao ốc Văn phòng – Căn hộ Vinatex Building	252.386.490.543	226.745.302.865
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
• Dự án kho nguyên liệu và thành phẩm	12.387.453.797	12.387.453.797
• Dự án Khu liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.813.893.461	5.516.620.734
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân		
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	41.438.667.444	41.438.667.444
• Dự án Nhà máy May	20.457.715.579	19.953.787.819
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	12.840.234.566	12.840.234.566
• Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.134	5.013.367.134
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
• Dự án nhà máy xử lý nước thải số 2	126.895.028.195	89.506.656.761
• Dự án Nhà ở Công nhân	1.671.798.111	1.671.798.111
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
▪ Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	27.579.068.942	509.565.865
▪		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Dự án Nhà máy May Triệu Phong - giai đoạn 3	22.622.195.776	293.540.191
▪ Các công trình khác	22.266.517.514	13.981.492.794
	570.345.883.425	448.831.940.444

**22. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	5.440.877.616	5.378.159.845
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.411.309.522	1.597.727.803
Công cụ, dụng cụ	15.630.594.958	13.249.858.767
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.196.838.145	9.748.535.896
	35.679.620.241	29.974.282.311

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, mặt bằng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	172.613.288.947	11.527.500.000	63.381.897.722	373.752.384	28.783.571.493	30.388.856.333	307.068.866.879
Tăng trong kỳ	-	-	20.382.399.701	283.856.000	7.925.817.681	6.954.616.963	35.546.690.345
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.205.979.000	-	-	-	1.205.979.000
Phân loại lại	3.708.842.694 (2.703.731.318)	12.157.273.300 (2.610.000.000)	-	-	(7.512.255.557)	(15.866.115.994)	(44.735.168.305)
Phân bổ trong kỳ			(22.147.868.518)	(148.165.313)	(7.512.255.557)	(9.613.147.599)	(44.735.168.305)
Số dư cuối kỳ	173.618.400.323	21.074.773.300	62.822.407.905	509.443.071	29.197.133.617	11.864.209.703	299.086.367.919



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	9.980.658.051	9.607.892.759
Các khoản mục khác	20%	2.063.360.100	4.472.130.572
		<hr/>	<hr/>
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>12.044.018.151</b>	<b>14.080.023.331</b>
		<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	(162.655.164.594)	(106.217.343.886)
		<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		<b>(150.611.146.443)</b>	<b>(92.137.320.555)</b>
		<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán là các công ty liên quan	178.549.327.193	208.180.721.511
Phải trả người bán khác	1.226.910.049.945	974.771.418.072
	1.405.459.377.138	1.182.952.139.583

Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	135.981.059.103	113.662.912.043
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	13.798.355.461	14.628.788.818
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	8.147.261.329	39.837.546.572
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	7.993.855.034	532.014.431
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang	4.652.579.517	16.977.031.930
Công ty Cổ phần Hòa Thọ – Quảng Nam	2.841.368.409	7.600.436.555
Tổng Công ty May 10 – CTCP	1.816.399.469	9.575.925.483
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	210.558.550	217.715.405
Các công ty liên quan khác	3.107.890.321	5.148.350.274
	178.549.327.193	208.180.721.511

Khoản phải trả các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**25. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con VND	30/6/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.374.949.682	3.116.611.483	-	-	11.491.561.165
Thuế xuất nhập khẩu	482.771.474	116.931.597	(60.244.422)	-	539.458.649
Các loại thuế khác	6.014.317.153	3.200.373.012	(5.827.798.397)	(600.000)	3.386.291.768
Các khoản khác	214.689.835	-	(127.897.511)	-	86.792.324
	15.086.728.144	6.433.916.092	(6.015.940.330)	(600.000)	15.504.103.906

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2024 VND
Đã điều chỉnh lại						
Thuế giá trị gia tăng	37.849.410.934	245.310.284.170	-	(138.818.630.077)	(127.057.978.630)	17.283.086.397
Thuế xuất nhập khẩu	262.017	-	2.952.051.050	(2.888.077.017)	-	64.236.050
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.577.490.484	-	47.747.027.573	(65.544.766.291)	-	36.779.751.766
Thuế thu nhập cá nhân	7.481.955.938	-	37.697.950.807	(39.769.059.492)	-	5.410.847.253
Thuế tài nguyên	240.786.550	-	1.306.101.282	(1.292.770.114)	-	254.117.718
Tiền thuế, thuế đất	178.474.208.853	-	65.233.806.137	(214.515.692.631)	-	29.192.322.359
Các loại thuế khác	10.793.460.011	-	2.108.350.423	(12.599.919.330)	-	301.891.104
	289.417.574.787	245.310.284.170	157.045.287.272	(475.428.914.952)	(127.057.978.630)	89.286.252.647

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	4.952.538.806	19.851.714.244
Chi phí cải tạo sửa chữa	11.229.160.262	13.148.181.106
Phí hoa hồng	7.331.719.557	5.802.161.026
Chi phí hoạt động	3.109.191.955	2.988.588.250
Chi phí điện, nước	1.022.306.472	2.273.332.418
Chi phí lương, thưởng	1.567.208.458	1.487.606.359
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	1.756.993.717	518.487.530
Chi phí gia công thuê ngoài	453.764.870	221.124.963
Chi phí phải trả khác	25.367.951.739	22.220.773.381
	<hr/>	<hr/>
	56.790.835.836	68.511.969.277

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	9.761.834.880	10.226.684.160
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	<hr/>	<hr/>
	9.296.985.600	9.761.834.880

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại địa chỉ Văn phòng Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu nhận trước từ các hợp đồng cho thuê	324.622.086.945	326.653.353.619
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19.908.419.718	18.563.614.433
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	304.713.667.227	308.089.739.186

**28. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận tạm ứng từ một số cá nhân liên quan đến việc bán các khoản phải thu tại một công ty con (*)	196.896.153.787	196.896.153.787
Phải trả một đối tác liên quan đến Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 14(a))	115.401.827.748	115.401.827.748
Phải trả cổ tức	202.517.238.590	84.537.983.326
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	47.512.180.394	46.757.602.409
Phải trả lãi vay khác	10.719.891.808	24.451.508.615
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh từ khác	19.500.000.000	19.500.000.000
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.177.683.150
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.831.613.973	1.761.613.973
Các khoản phải trả khác	47.901.148.436	36.926.372.822
	<b>645.425.303.023</b>	<b>529.410.745.830</b>

(\*) Trong năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam) đã ban hành Nghị quyết số 11/HĐQT-NQ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về chủ trương bán một số khoản nợ phải thu của khách hàng để có nguồn tiền trả nợ. Theo đó, công ty con này đã ký biên bản thỏa thuận với một số cá nhân có nhu cầu mua khoản nợ và nhận tạm ứng là 196.896 triệu VND. Công ty con đã thanh toán toàn bộ số gốc vay và nghĩa vụ nợ với Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các ngân hàng từ nguồn tiền tạm ứng nêu trên và được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi còn phải trả. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May chưa thực hiện việc bán nợ cho cá nhân đã tạm ứng nêu trên. Thời hạn hoàn trả khoản tạm ứng, lãi suất hay thời hạn ký kết hợp đồng mua bán nợ không được quy định cụ thể trong biên bản thỏa thuận được ký kết giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May với các cá nhân.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	712.500.000	712.500.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	16.802.420.871	14.535.449.973
	<hr/>	<hr/>
	72.478.347.871	70.211.376.973
	<hr/>	<hr/>

(\*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2024		Biến động trong kỳ		30/6/2024	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con trong năm (Thuyết minh 9) VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.638.783.552.955	5.929.180.832.510	(5.952.055.212.563)	(35.417.905.581)	7.237.361.819	3.587.728.629.140
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 29(b))	262.321.326.412	101.145.143.671	(154.528.952.274)	-	4.719.228.861	213.656.746.670
	3.901.104.879.367	6.030.325.976.181	(6.106.584.164.837)	(35.417.905.581)	11.956.590.680	3.801.385.375.810

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, trong khoản vay ngắn hạn có 2.843.518 triệu VND (1/1/2024: 2.518.537 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, trả trước người bán, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 tổng cộng là 3.084.062 triệu VND (1/1/2024: 2.576.522 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 11, 12, 16 và 17). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,5% đến 5,9% đối với các khoản vay bằng USD và từ 5,3% đến 8,2% đối với các khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: từ 3,0% đến 7,8% đối với các khoản vay bằng USD và từ 6,2% đến 12% đối với các khoản vay bằng VND).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và vay cá nhân. Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,9% đến 8,0% đối với các khoản vay bằng USD và từ 2,4% đến 10% đối với các khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: từ 3,1% đến 8,5% đối với các khoản vay bằng USD và từ 2,4% đến 12,2% đối với các khoản vay bằng VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	2.597.248.947.448	2.701.556.030.558
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	97.724.057.446	104.825.184.927
	2.694.973.004.894	2.806.381.215.485
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))	(213.656.746.670)	(262.321.326.412)
	2.481.316.258.224	2.544.059.889.073

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản vay dài hạn bao gồm:

- 949.197 triệu VND (1/1/2024: 1.088.452 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, trả trước người bán, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.404.222 triệu VND (1/1/2024: 1.567.589 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 11, 12, 16 và 17). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3,0% đến 10,1% đối với khoản vay bằng USD và từ 3,5% đến 14,3% đối với khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: từ 3,0% đến 9,4% đối với khoản vay bằng USD và từ 3,5% đến 12,5% đối với khoản vay bằng VND).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.618.591 triệu VND (1/1/2024: 1.572.708 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.  
Khoản vay này được đảm bảo bằng:
  - một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 61.963 triệu VND (1/1/2024: 71.007 triệu VND);
  - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 904.596 triệu VND (1/1/2024: 892.482 triệu VND);
  - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 115.000 triệu VND (1/1/2024: 110.000 triệu VND).
- Các khoản vay từ cá nhân và ngân hàng không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 10,7% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: từ 2,6% đến 13,1%).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2024</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng một năm	17.013.168.035	1.713.240.012	15.299.928.023
Trong vòng hai đến năm năm	75.478.394.147	1.955.990.555	73.522.403.592
Sau năm năm	8.986.292.226	84.566.395	8.901.725.831
	101.477.854.408	3.753.796.962	97.724.057.446
	<b>1/1/2024</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng một năm	24.380.249.836	1.606.317.856	22.773.931.980
Trong vòng hai đến năm năm	71.257.631.288	1.848.382.192	69.409.249.096
Sau năm năm	12.768.423.890	126.420.039	12.642.003.851
	108.406.305.014	3.581.120.087	104.825.184.927

**30. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Đây là khoản dự phòng mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú ghi nhận liên quan đến Dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty Phong Phú đã nhận chuyển nhượng từ một đối tác từ năm 2017. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã ra phán quyết về vi phạm của bên đối tác trong việc chuyển nhượng dự án và xác định số thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã trích lập 62.473 triệu VND là số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể sẽ phải trả liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng do hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Phước Long B. Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết giữ nguyên phán quyết của phiên tòa sơ thẩm về giá trị thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan và đang tiến hành bàn giao lại dự án này cho đối tác (Thuyết minh 14(a)). Đồng thời, dựa trên các thông tin sẵn có, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá việc ghi nhận khoản dự phòng 62.473 triệu VND là phù hợp.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	214.751.073.270	203.366.419.249
Trích lập trong kỳ	83.642.743.766	76.774.345.446
Sử dụng trong kỳ	(49.747.366.421)	(48.139.976.920)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 9)	(246.124.948)	-
Số dư cuối kỳ	248.400.325.667	232.000.787.775

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 1/1/2023 – đã điều chỉnh lại	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
5.000.000.000.000	30.361.932.352	141.681.258.484	(747.830.122.185)	729.561.831.692	1.191.010.429.125	543.092.845.095	2.419.348.781.262	9.307.226.955.825	22.214.516.922	9.329.441.472.747	
Số dư tại ngày 1/1/2023 – đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	30.361.932.352	(747.830.122.185)	729.561.831.692	1.227.618.429.680	543.092.845.095	2.455.810.642.094	9.380.296.817.212	22.214.516.922	9.402.511.334.134	
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 50)	-	-	-	-	(36.608.000.555)	-	(36.461.860.832)	(73.069.861.387)	-	(73.069.861.387)	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.062.785.216	-	107.298.710.810	117.361.496.026	-	117.361.496.026	
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	3.969.720.000	3.969.720.000	-	3.969.720.000	
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	36.540.445.286	-	(36.540.445.286)	-	-	-	
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(47.088.345.649)	(29.685.999.797)	(76.774.345.446)	(76.774.345.446)	
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(300.000.000.000)	(141.441.432.700)	(441.441.432.700)	(441.441.432.700)	
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.020.813.510)	
Công ty con tăng vốn bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	-	-	(119.824.150.000)	46.772.400.000	-	-	
Các biến động khác	-	-	-	-	-	-	(269.756.233)	7.486.576	(261.811.557)	-	
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023 – đã điều chỉnh lại</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>30.361.932.352</b>	<b>(747.830.122.185)</b>	<b>766.102.276.978</b>	<b>697.350.517.173</b>	<b>543.092.845.095</b>	<b>2.406.269.666.151</b>	<b>8.910.080.582.148</b>	<b>21.193.703.412</b>	<b>8.931.274.285.560</b>	
<b>Số dư tại ngày 1/1/2024 – đã điều chỉnh lại</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>30.361.932.352</b>	<b>(747.830.122.185)</b>	<b>777.414.063.148</b>	<b>838.287.018.136</b>	<b>543.092.845.095</b>	<b>2.392.611.899.771</b>	<b>9.048.671.102.901</b>	<b>20.172.889.902</b>	<b>9.068.843.992.803</b>	
Số dư tại ngày 1/1/2024 – đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	30.361.932.352	(747.830.122.185)	777.414.063.148	874.895.018.691	543.092.845.095	2.429.073.760.603	9.121.740.964.288	20.172.889.902	9.141.913.854.190	
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 50)	-	-	-	-	(36.608.000.555)	-	(36.461.860.832)	(73.069.861.387)	-	(73.069.861.387)	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	42.438.111.165	-	133.845.508.280	176.283.619.445	-	176.283.619.445	
Chưa có tục bằng cổ phiếu ở công ty con	-	-	-	-	(2.328.430.000)	-	538.000.000	-	-	-	
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	32.652.661.669	-	(32.136.756.594)	(83.642.743.766)	-	(83.642.743.766)	
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(51.505.987.172)	(255.373.844.000)	-	(255.373.844.000)	
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(150.000.000.000)	(547.629.417)	-	(547.629.417)	
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.830.910.253	
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	(11.357.906.886)	-	11.357.906.886	(195.679.114)	(354.000.000)	-	
Các biến động khác	-	-	-	-	-	-	(158.320.886)	-	-	-	
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>30.361.932.352</b>	<b>(747.830.122.185)</b>	<b>798.708.817.931</b>	<b>655.137.616.460</b>	<b>543.092.845.095</b>	<b>2.395.120.038.596</b>	<b>8.891.415.044.833</b>	<b>19.625.260.485</b>	<b>8.911.040.305.318</b>	

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhân đầu tư vẫn được phân ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	<b>30/6/2024 và 1/1/2024</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>30/6/2024 và 1/1/2024</b>	<b>%</b>
		<b>VND</b>	
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
<hr/>			
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%
<hr/>			

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**35. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất</b>		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.016
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
	543.092.845.095	543.092.845.095

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 36. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	73.987.400.698	75.002.149.254
Trong vòng hai đến năm năm	197.690.104.842	205.181.386.683
Sau năm năm	429.152.738.347	443.875.335.077
	700.830.243.887	724.058.871.014

#### (b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.779.402	119.674.861.203	4.143.900	99.371.299.808
EUR	102.089	2.718.143.309	101.988	2.689.148.064
		122.393.004.512		102.060.447.872

#### (c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH MTV Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Không có khả năng thu hồi	2024	2.883.059.365	-
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		18.459.888.056	18.164.066.227
			31.757.118.864	28.578.237.670

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	591.758.232.022	489.767.317.600
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	129.230.818.727	265.862.177.471
	<hr/>	<hr/>
	720.989.050.749	755.629.495.071
	<hr/>	<hr/>

**37. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	7.702.375.190.165	7.827.873.592.767
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	212.507.962.201	227.543.174.497
▪ Cho thuê bất động sản	53.609.879.105	57.897.658.527
	<hr/>	<hr/>
	7.968.493.031.471	8.113.314.425.791
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(9.505.751.741)	(9.110.292.262)
▪ Giảm giá hàng bán	(136.758.146)	(2.929.519.539)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.859.476.645)	(3.087.296.818)
	<hr/>	<hr/>
	(14.501.986.532)	(15.127.108.619)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	7.953.991.044.939	8.098.187.317.172
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	7.002.110.553.957	7.601.396.012.631
▪ Hàng tồn kho bị tổn thất do hỏa hoạn	-	6.145.113.303
▪ Dịch vụ đã cung ứng	141.847.867.798	130.828.449.908
▪ Cho thuê bất động sản	33.635.374.662	38.450.800.863
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(37.828.594.678)	(195.683.244.246)
	<b>7.139.765.201.739</b>	<b>7.581.137.132.459</b>

**39. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	63.475.794.785	67.810.944.934
Cổ tức được chia	10.369.766.000	14.422.430.215
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.858.525.401	85.422.818.191
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.275.910.140	2.445.667.560
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	2.060.087.172	4.124.227.876
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 9)	16.096.499.309	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	239.977.671	628.467.236
	<b>187.376.560.478</b>	<b>174.854.556.012</b>

**40. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay	174.475.079.492	201.548.164.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.313.209.177	33.805.294.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	64.552.676.563	13.326.566.423
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	7.663.335.564	(3.013.808.690)
Chi phí tài chính khác	9.722.761.006	442.188.321
	<b>319.727.061.802</b>	<b>246.108.405.423</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	31.511.909.758	26.316.500.454
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.523.986.567	3.564.205.212
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.387.634.321	4.389.934.193
Chi phí vận chuyển	77.788.199.166	70.941.986.212
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	2.514.981.362	2.068.113.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.384.457.613	61.086.263.795
Chi phí bao bì	7.644.715.450	9.932.455.162
Chi phí hoa hồng	22.979.755.074	22.885.562.037
Chi phí xuất nhập khẩu	10.491.243.093	12.375.772.693
Chi phí bán hàng khác	9.952.825.299	8.833.061.491
	<b>230.179.707.703</b>	<b>222.393.854.686</b>

**42. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên văn phòng	194.030.525.698	170.783.994.875
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	6.681.993.758	5.629.991.809
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.674.177.207	26.236.906.129
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(3.748.227.460)	5.542.161.814
Thuế, phí và lệ phí	8.816.457.096	7.196.732.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.992.208.251	58.905.678.169
Tiền thuê đất	64.737.884.540	55.560.782.136
Công tác phí	2.699.693.110	442.513.174
Chi phí tiếp khách	5.016.566.453	6.237.952.773
Chi phí khác	45.472.969.647	34.063.010.854
	<b>413.374.248.300</b>	<b>370.599.723.834</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**43. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	4.143.522.731	27.239.501.624
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	-	24.665.668.570
Thu từ thanh lý tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư	-	16.181.818.182
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	5.837.803.073	5.618.816.271
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.339.799.734	5.236.866.590
Xóa sổ các khoản phải trả	1.892.267.768	1.587.470.886
Thu từ các khoản khác	9.300.181.725	5.563.148.985
	<b>26.513.575.031</b>	<b>86.093.291.108</b>

**44. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	193.965.345	22.539.722.777
Giá trị còn lại của tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư đã thanh lý	-	4.428.039.226
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	575.271.203	4.161.836.939
Phạt vi phạm thuế	681.830.182	762.092.161
Khấu hao tài sản chờ thanh lý	3.693.508.050	-
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	5.697.404.548	5.570.057.042
Chi các khoản khác	7.894.533.239	10.445.135.056
	<b>18.736.512.567</b>	<b>47.906.883.201</b>

**45. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.513.366.729.292	4.502.228.113.009
Chi phí nhân viên	1.583.842.187.079	1.546.438.172.014
Chi phí khấu hao và phân bổ	389.753.585.733	406.320.099.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	967.014.349.776	935.514.971.752
Chi phí khác	239.389.893.065	236.818.396.871

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**46. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	47.700.905.142	29.893.956.373
Dự phòng thiếu trong những năm trước	46.122.431	766.473.604
	47.747.027.573	30.660.429.977
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	58.495.452.154	25.220.739.218
	106.242.479.727	55.881.169.195

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	282.526.099.172	173.242.665.221
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	56.505.219.834	34.648.533.044
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(2.943.703.618)	(2.471.969.445)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.704.561.873	21.898.937.503
Thu nhập không bị tính thuế	(49.359.483.367)	(59.335.186.149)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(690.440.238)	(5.855.697.300)
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(3.241.893.803)	8.884.237.407
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi tính thuế của năm hiện hành	98.222.096.615	57.345.840.531
Dự phòng thiếu trong những năm trước	46.122.431	766.473.604
	106.242.479.727	55.881.169.195

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**47. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	42.438.111.165	10.062.785.216
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến (VND) (*)	(9.250.000.000)	(4.750.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	33.188.111.165	5.312.785.216
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	66	11

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên ước tính của Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm 2024.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	33.188.111.165	5.312.785.216
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 35)	54.309.285	54.309.285
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	554.309.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND)	60	10

**48. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nhà đầu tư</b>		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH Cổ tức đã chia	80.231.430.000	160.462.860.000
<b>Các công ty liên kết</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	162.267.970.289	111.395.456.809
Bán hàng hóa	349.087.037.366	239.479.477.449

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
<b><i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	987.957.262	3.472.690.594
Mua hàng hóa và dịch vụ	66.694.908	1.346.708.542
<b><i>Công ty Cổ phần May Bình Minh</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	260.675.579	268.493.347
<b><i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	462.727.737	1.652.613.968
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.526.658.504	2.675.030.834
<b><i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.809.645.421	1.916.861.205
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.110.388.714
Mua tài sản cố định hữu hình	8.462.550.000	-
<b><i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	779.939.415	1.895.503.435
Mua hàng hóa và dịch vụ	830.433.357	6.565.026.819
<b><i>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.500.000	-
<b><i>Tổng Công ty Đức Giang - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	275.069.600	204.230.480
Mua hàng hóa	4.486.203.502	2.247.325.301
<b><i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Phú Ninh</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.060.953.067	1.087.156.990
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.411.781.794	47.464.198.691
Nhận hoàn trả khoản vay	1.171.430.000	1.171.430.000
Thu nhập lãi cho vay	292.763.655	566.697.640
<b><i>Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam</i></b>		
Bán hàng hóa	266.955.875	195.605.997
Mua hàng hóa	32.676.716.387	42.816.160.711
<b><i>Công ty May V Dệt May Nam Định</i></b>		
Bán hàng hóa	684.366.441	650.560.136
<b><i>Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định</i></b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.749.324.824	424.537.338
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	7.144.100

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	246.190.117.443	160.533.960.481
Mua hàng hóa và dịch vụ	206.854.741.132	118.354.638.803
Thu nhập lãi trả chậm	1.822.251.520	1.867.800.290
Thu nhập khác	6.650.000	250.172.720
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	10.146.745.439
Mua hàng hóa	17.392.502.072	9.764.370.491
Thu nhập lãi cho vay	-	4.527.399.646
Thu nhập khác từ hỗ trợ chuyển giao nhà máy	-	2.609.152.913
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</b>		
Thu nhập từ hỗ trợ	-	1.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định</b>		
Bán hàng hóa	867.933.524	329.479.374
<b>Công ty Cổ phần May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	314.495.159	133.059.509
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	524.240.000	520.240.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	82.080.000	86.080.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên	502.640.000	475.240.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên	54.000.000	58.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên	54.000.000	54.000.000
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Những người quản lý khác	1.927.520.000	1.891.525.553

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**49. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tăng khoản vay tương ứng với tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	5.276.088.906	58.625.858.813

**50. Thông tin so sánh**

Khi lập báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh bao gồm:

- (i) Ghi nhận tăng chi phí thuê đất phải nộp cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 tại Khu đất số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 47.323 triệu VND.
- (ii) Ghi nhận tăng chi phí chậm nộp theo Thông báo số 253487/TB-TB07-CCTTP của Chi cục thuế Quận Tân Phú với số tiền là 25.747 triệu VND đối với tiền thuê đất chậm nộp cho giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023.

Bảng so sánh số liệu trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại trong báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	1/1/2024 Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2024 Điều chỉnh hồi tố VND	1/1/2024 Đã điều chỉnh lại VND
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	216.347.713.400	73.069.861.387	289.417.574.787
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	874.895.018.691	(36.608.000.555)	838.287.018.136
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	709.368.085.793	(36.608.000.555)	672.760.085.238
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.429.073.760.603	(36.461.860.832)	2.392.611.899.771



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoại trừ trường hợp được điều chỉnh lại được nêu trên:

- Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023;
- Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

**Phụ lục 1**

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100%	100%	163.627.554.636	163.627.554.636	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	63,77%	63,77%	122.656.621.350	122.656.621.350	7.495.524.000	7.495.524.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	38.633.449.251	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52%	52%	33.800.000.000	33.800.000.000	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp	Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND
		30/6/2024	1/1/2024		30/6/2024	1/1/2024	
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>							
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	47,56%	47,56%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	33,52%	33,52%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	50,56%	50,56%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	61,87%	61,87%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	46,08%	46,08%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>							
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chân Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-
10	Công ty TNHH Một thành viên May 2 – Dệt may Nam Định (i)	53,67%	53,67%	100%	8.000.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>							
11	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	45,09%	45,09%	90%	144.000.000.000	144.000.000.000	-
12	Công ty Cổ phần Nam Dương Phú (ii)	58,52%	58,52%	96,20%	17.000.000.000	13.000.000.000	-
<b>Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex</b>							
13	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-
14	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-
15	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	70.200.000.000	70.200.000.000	-

SLH KICH CO (04)

**Phụ lục 3**

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
-	Công ty Cổ phần May Halotexco (iii)	-	30,88%	-	53,64%	-	5.632.500.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
4	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
6	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,19%	77,19%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty Dệt may Nam Định đã thành lập công ty Công ty TNHH Một thành viên May 2 – Dệt may Nam Định theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-DMNB ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty. Do đó, công ty này trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.
- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú – công ty con cấp 1 tiếp tục hoàn thành việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú. Do vậy, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong Công ty Cổ phần Nam Dương Phú tăng từ 48,57% lên 58,52%.
- (iii) Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã bán toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần May Halotexco, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần (ii)	25,20%	26,37%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,21%	35,21%	31.692.220.000	31.692.220.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	68.305.620.000	68.305.620.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	69.533.920.000	69.533.920.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	28,64%	28,64%	9.000.000.000	9.000.000.000
8	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16.407.300.000	16.407.300.000
9	Công ty Cổ phần May Nam Định	30%	30%	9.450.000.000	9.450.000.000
10	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44%	44%	3.564.000.000	3.564.000.000
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
12	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
13	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
14	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	32,21%	32,21%	102.273.980.000	102.273.980.000
15	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30%	30%	85.443.720.435	85.443.720.435
16	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,60%	30,60%	95.877.720.000	95.877.720.000
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	42,40%	42,40%	38.610.000.000	38.610.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công Ty Cổ phần Dệt may Nam Định</b>					
18	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
19	Công ty Cổ phần Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
20	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000
21	Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13.791.000.000	13.791.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>					
22	Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000

#### Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>					
23	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	12,37%	12,37%	4.000.000.000	4.000.000.000
24	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	18,94%	18,94%	6.428.000.000	6.428.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>					
25	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,53%	17,53%	85.253.638.578	85.253.638.578
26	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
27	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
28	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon – Thù Đức	22,05%	22,05%	125.190.000.000	125.190.000.000
29	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (iii)	18,03%	18,03%	43.315.720.000	21.724.480.000
30	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	15,20%	15,20%	56.143.750.000	56.143.750.000
31	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6.341.919.708	6.341.919.708

- (iv) Trong kỳ, Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần đã phát hành thêm vốn cổ phần cho các bên khác. Do vậy, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong Công ty này giảm từ 26,37% xuống 25,20%.
- (v) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Để giữ tỷ lệ sở hữu, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú – công ty con cấp 1 đã mua thêm 2.159.124 cổ phiếu. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam không đổi.

Số: 483 /TĐDMVN-TCKT  
V/v: Giải trình một số vấn đề trong  
BCTC soát xét bán niên năm 2024

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) giải trình một số vấn đề trong Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH KPMG (KPMG) như sau:

## 1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2024:

### 1.1. Ý kiến ngoại trừ về phần lãi trong công ty liên kết

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó Tổng công ty CP Phong Phú (Phong Phú) sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 1.215 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2024 (1/1/2024: 1.228 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 của Coats Phong Phú là 218 tỷ VND, đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2024 của Coats Phong Phú. Về việc này, Coats Phong Phú đã đồng ý cho KPMG được tiếp cận, trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Tuy nhiên, do Coats Phong Phú không thực hiện kiểm toán BCTC bán niên nên KPMG chỉ có thể được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú cho kỳ kiểm toán năm kết thúc ngày 31/12/2024.

Vì lý do nêu trên, đến ngày 29 tháng 08 năm 2024 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2024 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2024 của Tập đoàn.



## ***1.2. Ý kiến ngoại trừ về tiền thuê đất và tiền chậm nộp***

Tổng Công ty CP Phong Phú là công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Khi lập báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024, Ban lãnh đạo của Phong Phú đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh liên quan đến chi phí thuê đất phải nộp cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 tại Khu đất số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 47.323 triệu VNĐ dựa trên cơ sở tính toán của Ban lãnh đạo theo hướng dẫn mới nhất tại văn bản số 6238/STNMT-QLĐ ngày 27/06/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định diện tích, mục đích sử dụng đất để làm cơ sở xác định tiền thuê đất tại khu đất số 2 Trường Chinh nêu trên và các quy định pháp luật liên quan.

Do các quy định về tiền thuê đất thay đổi theo từng thời kỳ và việc áp dụng các quy định có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên cho đến nay, Phong Phú vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định chính xác số tiền thuê đất còn phải nộp đối với khu đất nói trên cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 và các chi phí chậm nộp liên quan, nếu có.

Ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024, KPMG đã đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ do chưa thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết khi chưa có kết quả làm việc chính thức giữa Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với các cơ quan hữu quan.

## **2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 có sự chênh lệch trên 10%:**

### **BCTC soát xét bán niên Công ty mẹ:**

- LNST 6 tháng năm 2024 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 11.369.751.662 đồng
  - LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 21.917.772.206 đồng
- Chênh lệch giảm: 10.548.020.544 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 48,13% so với cùng kỳ năm trước.

### **BCTC soát xét bán niên Hợp nhất:**

- LNST 6 tháng năm 2024 trên BCTC soát xét Hợp nhất: 176.283.619.445 đồng.
- LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét Hợp nhất: 117.361.496.026 đồng.

Chênh lệch tăng: 58.922.123.419 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 50,21% so với cùng kỳ năm trước.

### **Nguyên nhân chính:**

- Về kết quả Hợp nhất:

Lợi nhuận hợp nhất toàn Tập đoàn tăng so với cùng kỳ. Sáu tháng đầu năm 2024, ngành Dệt may đã có dấu hiệu phục hồi. Hiệu quả ngành may tương đối tốt do lượng đơn hàng nhiều, các doanh nghiệp bố trí sản xuất tốt, mặc dù đơn giá còn thấp, đơn hàng nhỏ lẻ, thời gian giao hàng gấp và yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng. Ngành sợi giảm lỗ mạnh so với cùng kỳ, tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi cầu thấp, giá bông biến động khó lường, Tập đoàn đã chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị thành viên làm



tốt công tác cập nhật, dự báo tình hình thị trường bông, sợi, từ đó đưa ra những quyết sách phù hợp, hiệu quả.

- Về kết quả Công ty mẹ:

Kết quả công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với cùng kỳ. Công ty mẹ vẫn tiếp tục phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đối với một số đơn vị thành viên ngành sợi. Bên cạnh đó, tỷ giá tăng cao trong sáu tháng đầu năm, Công ty mẹ phát sinh lỗ tỷ giá lớn khi đánh giá lại tỷ giá các khoản gốc vay ngoại tệ (sáu tháng đầu năm ghi nhận 16 tỷ đồng lỗ tỷ giá trong khi cùng kỳ lãi 0,7 tỷ đồng).

**3. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC hợp nhất Quý 2/2024 đã công bố chênh lệch trên 5% so với BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2024:**

- LNST lũy kế trên BCTC hợp nhất Quý 2/2024: 203.507.544.537 đồng.

- LNST trên BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2024: 176.283.619.445 đồng.

Chênh lệch giảm 27.223.925.092 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 13,38% so với số đã công bố.

**Nguyên nhân chính:**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam hiện có 34 công ty con, 31 công ty liên kết và rất nhiều các khoản đầu tư tài chính khác. BCTC soát xét bán niên hợp nhất năm 2024 của Tập đoàn được lập trên cơ sở BCTC của các công ty con, công ty liên kết. Khi soát xét BCTC hợp nhất bán niên 2024 của Tập đoàn, đơn vị kiểm toán đã điều chỉnh số liệu theo BCTC sau soát xét của các công ty con, công ty liên kết. Sự chênh lệch kết quả kinh doanh giữa BCTC trước và sau khi soát xét của số lượng lớn các công ty con, công ty liên kết đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Cao Hữu Hiếu**